

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2020
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Minh Đức.

2. Ông: Lê Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Tú A – Sinh năm 1999 “có mặt”

Trú tại: Khối A, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Ngô Đức M – Sinh năm 1994 “vắng mặt”

Trú tại: TDP B, TT Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của người xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Tú A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tú A và anh Ngô Đức M đến với nhau là tự nguyện và đã đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/02/2018 tại Ủy ban nhân dân TT Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống tại TDP 5, TT Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi cọ nhau và ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân, chị A về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở khối 10, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Nay chị Tú A thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và xin được ly hôn với anh Mạnh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Bảo Tr sinh ngày 02/12/2018. Nguyên vọng của chị Tú A là được nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã giao Thông báo thụ lý và ấn định thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn chị Tú A có mặt còn anh M không có mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành được.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản về sự việc đó lưu vào hồ sơ để có căn cứ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Tú A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Đức M có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định xét xử vắng mặt anh Ngô Đức M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tú A và anh Ngô Đức M kết hôn với nhau vào ngày 05/12/2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT. Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại TDP 5, TT Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn bình thường cho đến đầu năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hòa giải tuy nhiên anh Ngô Đức M có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung trong đơn anh Ngô Đức M cũng đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị Tú A và anh M ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Tú A và cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tú A được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Bảo Tr sinh ngày 02/12/2018, hiện còn nhỏ và đang ở với chị Tú A. Nếu ly hôn chị Tú A xin được nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh M cũng đồng ý để con cho chị Tú A nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Tú A mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 110, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Tú A là chính đáng, con chung của vợ chồng dưới 36 tháng tuổi, do đó cần giao cho chị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tú A phải chịu án phí ly hôn, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Tú A được ly hôn với anh Ngô Đức M.

[2] Về con chung: Giao con chung Ngô Bảo Tr sinh ngày 02/12/2018 cho chị Ngô Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Anh Ngô Đức M mỗi tháng cấp dưỡng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) tiền nuôi con chung cho chị Ngô Thị Tú A kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi chị Ngô Thị Tú A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Ngô Đức M không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị Tú A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000186 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Ngô Đức M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

[4] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Đương sự;
- UBND TT Xuân An;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Hà Ngân

